

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

Nhận định **P.1**

Bộ lọc CP **P.2**

Note doanh nghiệp **P.3**

Kết quả kinh doanh Q2 **P.5**

## Độ rộng thị trường



Thị trường đã giảm rất sâu trước xu hướng chung của quốc tế sau khi thị trường Mỹ lao dốc hơn 600 điểm phiên hôm trước. Mặc dù SAB đóng vai trò cứu giá khá tốt trong hai ngày gần đây tuy nhiên hôm nay đã hoàn toàn mất tác dụng dù giá SAB tiếp tục tăng gần 2%. Trong top blue chip ngoài SAB chỉ có BVH, BHN xanh điểm còn lại đều mất điểm trung bình gần 2%, riêng HDB mất điểm nhiều nhất -6.2%, MSN -5.5%.

Điểm tựa duy nhất của thị trường là nhóm cổ phiếu dệt may và thủy sản vẫn còn giữ động lực và thu hút dòng tiền đổ vào. Các cổ phiếu STK, TCM, TNG, GMC, EVE đều tăng rất mạnh và nhiều cổ phiếu gần chạm trần trong phiên. Nhóm thủy sản cũng nổi bật ở VHC, MPC, IDI, ANV.

Thị trường không có nhiều tin nổi bật ngoài một số doanh nghiệp công bố thông tin kinh doanh tháng 10. TNG vừa công bố tháng 10 đạt doanh thu thuần 313.8 tỷ đồng, tăng 39% so với cùng kỳ năm trước; lãi ròng của công ty trong tháng 10 đạt 16.7 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng, TNG đạt doanh thu thuần 3,040 tỷ đồng và lãi ròng 147 tỷ, đều gấp 1.5 lần cùng kỳ năm trước. Trong phiên giao dịch hôm nay TNG lần đầu vượt đỉnh cao nhất trong năm và gần chạm giá trần 19.7.

FPT đạt lợi nhuận sau thuế đạt 2,659 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ, EPS đạt 3,474 đồng, tăng 23%. Doanh thu ở khối Công nghệ và Viễn thông đóng góp 94% tổng doanh thu của toàn Tập đoàn. Riêng Công nghệ ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt lần lượt 10,025 tỷ đồng và 1,219 tỷ đồng, tăng tương ứng 25% và 41% so với cùng kỳ, tương đương 107% và 111% kế hoạch lũy kế.

Lĩnh vực xuất khẩu phần mềm ghi nhận doanh thu đạt 6,683 tỷ đồng, tăng 35%; lợi nhuận trước thuế đạt 1,061 tỷ đồng, tăng 33%. Doanh thu tại các thị trường đều có mức tăng trưởng tốt, trên 27% so với cùng kỳ. Khối Viễn thông ghi nhận 7,263 tỷ đồng doanh thu, đạt kế hoạch lũy kế, tăng 16%, trong khi đó lợi nhuận trước thuế đạt 1,264 tỷ đồng, tương đương 106% kế hoạch lũy kế, tăng 21%. Dù hoạt động kinh doanh giữ đà tăng trưởng tốt nhưng giá cổ phiếu FPT vẫn đang trong xu hướng downtrend và đã đi xuống bên dưới đường tăng trưởng dài hạn EMA 200.

## Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

|     |        |      |
|-----|--------|------|
| VRE |        | 19.7 |
| SBT |        | 15.4 |
| VHM |        | 15.3 |
| VNM |        | 15.2 |
| PVD |        | 12.7 |
| GMD |        | 9.2  |
| SSI |        | 8.1  |
| VCB |        | 6.3  |
| VHC |        | 5.3  |
| HDB |        | 3.4  |
| BSR | (2.7)  |      |
| SVI | (2.8)  |      |
| DHC | (3.2)  |      |
| HSG | (4.5)  |      |
| GAS | (5.1)  |      |
| PLX | (8.5)  |      |
| PVS | (15.3) |      |
| VIC | (22.5) |      |

Vnindex 905.38

▼ -12.74 (-1.39%)

Biến động Big Cap

| CP  | Vốn hóa | Giá   | %      |
|-----|---------|-------|--------|
| SAB | 152,368 | 237.6 | 1.97   |
| BHN | 19,703  | 85.0  | 1.80   |
| BVH | 69,388  | 99.0  | 1.43   |
| NVL | 64,823  | 70.9  | 0.28   |
| HNG | 14,500  | 16.4  | -      |
| VHM | 253,893 | 75.8  | (0.26) |
| EIB | 16,413  | 13.4  | (0.37) |
| TPB | 16,945  | 25.5  | (0.39) |
| ROS | 20,944  | 36.9  | (0.40) |
| REE | 9,596   | 31.0  | (0.64) |
| FPT | 25,555  | 41.7  | (0.72) |
| VNM | 202,005 | 116.0 | (0.85) |
| VJC | 69,326  | 128.0 | (0.93) |
| MBB | 44,397  | 20.6  | (1.20) |
| VPB | 49,626  | 20.2  | (1.22) |
| PNJ | 15,160  | 93.5  | (1.58) |
| SSI | 13,902  | 27.9  | (1.59) |
| STB | 21,644  | 12.0  | (1.64) |
| HPG | 78,372  | 36.9  | (1.73) |
| CTD | 11,352  | 145.0 | (1.83) |
| VCB | 192,840 | 53.6  | (1.83) |
| CTG | 81,915  | 22.0  | (2.00) |
| TCB | 90,037  | 25.8  | (2.09) |
| MWG | 34,769  | 107.7 | (2.09) |
| KDH | 12,441  | 30.1  | (2.12) |
| PLX | 65,473  | 56.5  | (2.25) |
| VRE | 57,413  | 30.2  | (2.27) |
| VIC | 297,778 | 93.3  | (2.71) |
| GAS | 179,720 | 93.9  | (2.80) |
| DHG | 10,721  | 82.0  | (3.19) |
| BID | 105,980 | 31.0  | (3.73) |
| MSN | 91,889  | 79.0  | (5.50) |
| HDB | 29,430  | 30.0  | (6.25) |

Với những diễn biến của thị trường hiện tại, xu hướng giảm điểm có thể tiếp tục trong vài phiên tới và vùng hỗ trợ quanh 880 sẽ kiểm định thêm 1 lần nữa. Giao dịch thị trường vẫn chưa có sự cải thiện vì vậy chỉ cần có thêm tin tức xấu từ thị trường quốc tế thì thị trường có thể bị phá vỡ ngưỡng hỗ trợ dễ dàng vì vậy nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên giữ tỷ trọng tiền mặt cao và chờ đợi thêm các tín hiệu mua rõ ràng hơn.

Nhóm cổ phiếu tích cực, tiếp tục nắm giữ: STK, VHC, TCM, MPC, SBT

Nhóm cổ phiếu có dấu hiệu cải thiện, chờ tín hiệu mua: STB, PVS

**Tin vĩ mô:** Vừa qua quốc hội đã thông qua CP TPP và trở thành quốc gia thứ 7 ký hiệp định hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực từ năm sau. Tin tức này rõ ràng đã có hiệu ứng tốt trên sàn chứng khoán. Một số ngành nghề kỳ vọng sẽ được hưởng lợi nhiều hơn như dệt may, thủy sản, gỗ ... bên cạnh một số lĩnh vực được thúc đẩy phát triển như logistics, vận tải ... Nhiều thống kê cho biết việc tham gia CP TPP sẽ giúp GDP tăng thêm 1.7 USD và xuất khẩu tăng thêm 4.04% tương ứng khoảng 4 tỷ USD.

Kim ngạch thương mại với các nước tham gia hiệp định CP-TPP

|             | 2015      |           | 2016      |           | 2017      |           | 9T.2018   |           |
|-------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| (triệu USD) | Xuất Khẩu | Nhập Khẩu | Xuất Khẩu | Nhập Khẩu | Xuất Khẩu | Nhập Khẩu | Xuất Khẩu | Nhập Khẩu |
| Japan       | 14,100    | 14,225    | 14,677    | 15,034    | 16,841    | 16,592    | 13,728    | 13,870    |
| Malaysia    | 3,577     | 4,188     | 3,343     | 5,114     | 4,209     | 5,860     | 3,094     | 5,561     |
| Singapore   | 3,257     | 6,038     | 2,437     | 4,709     | 2,961     | 5,301     | 2,332     | 3,595     |
| Australia   | 2,906     | 2,040     | 2,865     | 2,392     | 3,298     | 3,166     | 2,989     | 2,731     |
| Mexico      | 1,546     | 477       | 1,889     | 480       | 2,340     | 567       | 1,702     | 989       |
| Canada      | 2,408     | 448       | 2,654     | 390       | 2,717     | 774       | 2,220     | 676       |
| New Zealand | 325       | 378       | 360       | 357       | 459       | 449       | 361       | 398       |
| Chi Le      | 649       | 291       | 805       | 231       | 999       | 283       | 611       | 231       |
| Peru        | 238       | 60        | 277       | 76        | 331       | 117       | 193       | 71        |
| Brunei      | 26        | 48        | 20        | 78        | 22        | 52        | 9         | 27        |
| Tổng Cộng   | 29,031    | 28,193    | 29,327    | 28,861    | 34,177    | 33,161    | 27,240    | 28,149    |

Kim ngạch thương mại với các nước tham gia hiệp định hai chiều hiện ở mức gần 35 tỷ USD/năm. Riêng 9 tháng đầu năm xuất khẩu vào 10 nước thành viên đạt 27.2 tỷ và nhập khẩu 28.1 tỷ USD. Kim ngạch trong khối này hiện chỉ chiếm khoảng 15% tổng kim ngạch thương mại Việt Nam vì vậy thông qua hiệp định được thực thi có thể hy vọng giao dịch khối này sẽ tăng hơn thêm 20% - 30% từ năm sau. Trong các nước thành viên có thể kỳ vọng thương mại sẽ tăng nhiều hơn ở các nước Nhật, Australia. Riêng các nước Canada, Peru, Mexico hiện chưa có hiệp định thương mại nào với VN có thể kỳ vọng tăng thêm nhiều hơn so với mức 4.1 tỷ USD của 3 quốc gia này 9 tháng đầu năm nay.

Qua thống kê như trên, qua các năm kim ngạch với các quốc gia trên đang gia tăng khá tốt, đặc biệt là thị trường Nhật Bản. Một số thị trường mới như Canada, Australia, Malaysia cũng có sự tăng trưởng rất nhanh trong 2 năm gần đây.



#### Tình hình lợi nhuận DN 9 Tháng 2018

|                               | Số Cty | Lợi nhuận |
|-------------------------------|--------|-----------|
| Số công ty công bố            | 931    |           |
| - Số DN báo lãi               | 787    |           |
| - Số DN báo lỗ                | 126    |           |
| Tổng lợi nhuận 9T 2018 Tỷ VND |        | 191,142   |
| Tổng lợi nhuận 9T 2017 Tỷ VND |        | 151,173   |
| % Tăng/(Giảm)                 |        | 26.4%     |

#### Thống kê lợi nhuận Quý 9T 2018 theo ngành

| Ngành                         | Số DN      | Vốn<br>Hóa       | Lợi nhuận sau thuế (*) |                   | +/-<br>Tỷ VND    | Tăng trưởng<br>% |
|-------------------------------|------------|------------------|------------------------|-------------------|------------------|------------------|
|                               |            |                  | 9T.2017                | 9T.2018           |                  |                  |
|                               |            |                  | Tỷ VND                 | Tỷ VND            |                  |                  |
| Bán lẻ                        | 18         | 47,516           | 2,172.4                | 2,748.3           | 575.90           | 26.5%            |
| Bảo hiểm                      | 10         | 86,266           | 2,533.3                | 1,864.6           | (668.70)         | -26.4%           |
| Bất động sản                  | 89         | 824,768          | 12,819.3               | 25,365.7          | 12,546.40        | 97.9%            |
| Công nghệ Thông tin           | 21         | 31,326           | 1,743.3                | 2,095.4           | 352.10           | 20.2%            |
| Dầu khí                       | 7          | 149,453          | 8,474.5                | 8,467.0           | (7.50)           | -0.1%            |
| Dịch vụ tài chính             | 35         | 54,432           | 3,476.7                | 4,517.6           | 1,040.90         | 29.9%            |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 82         | 310,342          | 13,134.7               | 16,610.7          | 3,476.00         | 26.5%            |
| Du lịch và Giải trí           | 30         | 140,746          | 5,816.7                | 6,487.6           | 670.90           | 11.5%            |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 135        | 326,442          | 13,708.1               | 18,008.2          | 4,300.10         | 31.4%            |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 38         | 46,605           | 2,970.8                | 3,624.0           | 653.20           | 22.0%            |
| Hóa chất                      | 48         | 84,610           | 4,044.6                | 5,836.9           | 1,792.30         | 44.3%            |
| Ngân hàng                     | 18         | 761,668          | 36,125.5               | 50,276.4          | 14,150.90        | 39.2%            |
| Ô tô và phụ tùng              | 12         | 15,592           | 399.6                  | 491.6             | 92.00            | 23.0%            |
| Tài nguyên Cơ bản             | 67         | 147,252          | 9,250.4                | 9,355.6           | 105.20           | 1.1%             |
| Thực phẩm và đồ uống          | 81         | 628,840          | 20,481.1               | 24,791.9          | 4,310.80         | 21.0%            |
| Truyền thông                  | 25         | 12,127           | 198.0                  | 288.6             | 90.60            | 45.8%            |
| Viễn thông                    | 5          | 51,882           | 1,142.0                | (30.7)            | (1,172.70)       | -102.7%          |
| Xây dựng và Vật liệu          | 185        | 151,613          | 10,886.4               | 8,399.9           | (2,486.50)       | -22.8%           |
| Y tế                          | 25         | 39,661           | 1,795.6                | 1,942.2           | 146.60           | 8.2%             |
| <b>Total</b>                  | <b>931</b> | <b>3,911,141</b> | <b>151,173.00</b>      | <b>191,141.50</b> | <b>39,968.50</b> | <b>26.44%</b>    |



Tổng hợp kết quả kinh doanh một số doanh nghiệp đạt kết quả tốt 9 tháng đầu năm:

| Mã  | Sàn NY | Giá    | Vốn hóa   | Doanh thu |           | Lợi Nhuận |           | EPS 4 quý | P/Bv | PE    | ROA   | ROE   |
|-----|--------|--------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------|-------|-------|-------|
|     |        | VND    | Tỷ VND    | 9T.2018   | % cùng kỳ | 9T.2018   | % cùng kỳ |           |      |       |       |       |
|     |        |        |           | Tỷ VND    | lần       | Tỷ VND    | lần       | VND       | lần  | lần   | lần   | lần   |
| ABT | HOSE   | 42,200 | 485.2     | 308.0     | 8.1%      | 54.8      | 303.5%    | 5,789     | 1.49 | 7.29  | 11.1% | 16.2% |
| ACB | HNX    | 29,300 | 36,541.9  | 0.0       |           | 3,771.8   | 139.5%    | 3,157     | 1.74 | 9.28  | 1.5%  | 24.6% |
| ACL | HOSE   | 30,150 | 687.4     | 1,190.3   | 34.3%     | 147.4     | 1141.7%   | 6,517     | 1.48 | 4.63  | 12.7% | 34.9% |
| AMV | HNX    | 37,000 | 1,003.3   | 164.2     | 1466.2%   | 94.7      | 22817.7%  | 4,874     | 2.25 | 7.59  | 31.1% | 34.6% |
| ANV | HOSE   | 25,900 | 3,228.4   | 2,734.7   | 30.0%     | 303.4     | 244.0%    | 2,796     | 2.58 | 9.26  | 11.5% | 23.9% |
| APC | HOSE   | 37,000 | 436.8     | 125.7     | 15.9%     | 58.8      | 23.4%     | 6,836     | 1.47 | 5.41  | 24.7% | 27.1% |
| ASM | HOSE   | 10,700 | 2,588.7   | 5,149.0   | 250.1%    | 957.1     | 44.0%     | 4,187     | 0.58 | 2.56  | 10.4% | 21.2% |
| BWE | HOSE   | 20,750 | 3,112.5   | 1,591.4   | 27.5%     | 231.2     | 162.9%    | 2,099     | 0.80 | 9.89  | 2.7%  | 8.6%  |
| BTT | HOSE   | 43,750 | 590.6     | 264.4     | 2.7%      | 36.2      | 42.1%     | 3,724     | 1.87 | 11.75 | 10.5% | 15.4% |
| BWS | UPCOM  | 30,500 | 1,921.5   | 449.2     |           | 169.0     | 68.4%     | 3,413     | 2.60 | 8.94  | 26.1% | 30.2% |
| CAV | HOSE   | 55,500 | 3,196.8   | 6,029.5   | 20.8%     | 291.9     | 50.5%     | 6,485     | 2.05 | 8.56  | 10.9% | 26.6% |
| STK | HOSE   | 19,500 | 1,168.8   | 1,780.9   | 24.4%     | 131.4     | 162.8%    | 2,706     | 1.36 | 7.21  | 7.8%  | 19.8% |
| CKD | UPCOM  | 14,800 | 458.8     | 851.1     | -6.2%     | 106.0     | 453.7%    | 5,258     | 0.99 | 2.81  | 17.8% | 37.8% |
| CLC | HOSE   | 34,800 | 912.0     | 1,446.6   | 7.3%      | 105.8     | 49.6%     | 5,345     | 1.48 | 6.51  | 14.2% | 22.7% |
| CMX | HOSE   | 12,300 | 162.6     | 802.9     | 16.1%     | 58.9      | 739.4%    | 4,987     | 1.39 | 2.47  | 8.3%  | 83.5% |
| CNG | HOSE   | 27,100 | 731.7     | 1,320.6   | 36.7%     | 83.8      | 36.4%     | 4,218     | 1.56 | 6.42  | 14.6% | 23.3% |
| CSC | HNX    | 29,500 | 295.0     | 243.3     | 52.9%     | 118.8     | 190.5%    | 14,721    | 0.88 | 2.00  | 22.9% | 49.5% |
| CTI | HOSE   | 25,550 | 1,609.7   | 709.1     | -17.9%    | 105.5     | 53.7%     | 2,427     |      | 10.53 | 3.6%  | 10.6% |
| CTR | UPCOM  | 21,900 | 1,059.7   | 3,106.9   | 42.3%     | 107.0     | 124.7%    | 3,134     | 1.35 | 6.99  | 7.3%  | 20.1% |
| DPG | HOSE   | 45,000 | 1,350.0   | 917.7     | 29.6%     | 85.3      | 31.0%     | 5,083     | 1.40 | 8.85  | 3.7%  | 16.6% |
| DGC | HNX    | 47,500 | 5,120.6   | 4,327.3   | 58.2%     | 620.6     | 298.6%    | 6,893     | 1.85 | 6.89  | 21.0% | 28.9% |
| DGW | HOSE   | 23,600 | 958.2     | 4,382.7   | 62.6%     | 78.3      | 31.9%     | 2,504     | 1.43 | 9.42  | 6.6%  | 14.3% |
| DHC | HOSE   | 40,200 | 1,385.3   | 679.4     | 18.2%     | 103.7     | 147.6%    | 4,026     | 1.71 | 9.99  | 9.1%  | 18.3% |
| DHT | HNX    | 40,300 | 759.4     | 1,281.8   | 17.9%     | 60.2      | 20.9%     | 4,447     | 2.81 | 9.06  | 13.8% | 32.8% |
| DNH | UPCOM  | 20,700 | 8,743.7   | 1,596.3   | 31.6%     | 801.0     | 104.3%    | 2,399     | 1.56 | 8.63  | 13.1% | 18.4% |
| DVP | HOSE   | 45,500 | 1,820.0   | 466.9     | 1.0%      | 226.0     | 21.0%     | 7,226     | 1.65 | 6.30  | 25.1% | 28.0% |
| DXG | HOSE   | 25,550 | 8,937.9   | 3,236.6   | 93.1%     | 750.2     | 23.9%     | 3,042     | 1.57 | 8.40  | 8.9%  | 20.6% |
| DP3 | HNX    | 82,000 | 557.6     | 361.9     | 44.4%     | 81.0      | 206.2%    | 14,072    | 2.82 | 5.83  | 39.0% | 55.3% |
| FPT | HOSE   | 41,850 | 25,677.3  | 16,261.1  | -46.1%    | 1,828.2   | 24.4%     | 5,305     | 1.92 | 7.89  | 12.4% | 23.5% |
| FRT | HOSE   | 71,100 | 4,834.8   | 11,032.5  | 19.5%     | 227.4     | 29.7%     | 5,031     | 4.92 | 14.13 | 8.4%  | 37.8% |
| FOX | UPCOM  | 51,000 | 11,532.6  | 6,478.1   | 15.9%     | 795.5     | 22.4%     | 4,361     | 3.21 | 11.69 | 10.5% | 26.5% |
| GAS | HOSE   | 99,800 | 191,012.2 | 56,613.9  | 19.2%     | 8,879.8   | 68.3%     | 6,557     | 4.36 | 15.22 | 19.5% | 28.2% |
| GEX | HOSE   | 25,800 | 10,489.3  | 10,049.3  | 15.9%     | 724.9     | 114.3%    | 2,603     | 1.39 | 9.91  | 5.9%  | 12.6% |

|     |       |         |           |          |         |         |         |        |      |       |       |        |
|-----|-------|---------|-----------|----------|---------|---------|---------|--------|------|-------|-------|--------|
| GIL | HOSE  | 37,500  | 715.3     | 1,607.4  | 15.3%   | 88.7    | 153.9%  | 8,997  | 0.84 | 4.17  | 10.6% | 28.6%  |
| GMD | HOSE  | 27,700  | 8,224.8   | 1,998.5  | -30.3%  | 1,675.1 | 22.7%   | 6,458  | 1.35 | 4.29  | 18.2% | 28.3%  |
| GSP | HOSE  | 13,650  | 409.5     | 1,234.1  | 37.4%   | 48.7    | 31.0%   | 2,148  | 1.06 | 6.35  | 11.4% | 16.6%  |
| HEM | UPCOM | 21,900  | 805.9     | 326.2    | -26.9%  | 66.4    | 180.3%  | 2,370  | 1.41 | 9.24  | 10.8% | 15.3%  |
| HJS | HNX   | 23,000  | 483.0     | 131.6    | 5.1%    | 38.8    | 33.3%   | 2,209  | 1.64 | 10.41 | 10.1% | 15.8%  |
| HMC | HOSE  | 14,450  | 303.5     | 2,867.7  | 41.5%   | 72.4    | 42.9%   | 5,151  | 0.79 | 2.81  | 10.1% | 29.0%  |
| HTC | HNX   | 25,600  | 281.6     | 1,622.6  | 26.1%   | 30.7    | 53.1%   | 3,566  | 1.23 | 7.18  | 7.7%  | 16.7%  |
| HVT | HNX   | 47,500  | 521.9     | 712.9    | 20.6%   | 65.5    | 96.2%   | 9,085  | 2.43 | 5.23  | 21.4% | 50.3%  |
| IMP | HOSE  | 50,700  | 2,504.7   | 810.1    | 7.9%    | 99.3    | 21.3%   | 2,585  | 1.78 | 19.61 | 7.5%  | 8.9%   |
| KSB | HOSE  | 29,450  | 1,516.1   | 776.3    | 4.9%    | 212.7   | 28.3%   | 5,796  | 1.70 | 5.08  | 14.3% | 35.6%  |
| L14 | HNX   | 35,900  | 538.5     | 177.7    | -20.5%  | 64.5    | 52.7%   | 7,427  | 1.85 | 4.83  | 23.1% | 39.2%  |
| LGL | HOSE  | 7,170   | 358.5     | 763.1    | 432.5%  | 48.4    | 516.8%  | 3,203  | 0.51 | 2.24  | 5.8%  | 23.4%  |
| MBB | HOSE  | 21,500  | 46,449.7  | 0.0      |         | 4,801.4 | 47.4%   | 2,341  | 1.44 | 9.18  | 1.6%  | 16.2%  |
| MCH | UPCOM | 86,000  | 52,452.7  | 11,659.2 | 32.6%   | 2,483.7 | 49.3%   | 5,527  | 6.02 | 15.56 | 19.8% | 32.8%  |
| VET | UPCOM | 63,900  | 1,019.8   | 650.4    | 2.1%    | 57.2    | 961.7%  | 5,400  | 2.99 | 11.83 | 8.0%  | 27.3%  |
| NBC | HNX   | 6,300   | 233.1     | 1,552.1  | 44.3%   | 37.7    | 55.9%   | 2,414  | 0.53 | 2.61  | 3.1%  | 19.5%  |
| NDN | HNX   | 13,800  | 613.2     | 161.7    | 28.8%   | 32.9    | 35.9%   | 2,624  | 1.08 | 5.26  | 10.8% | 20.3%  |
| NED | UPCOM | 10,200  | 413.1     | 186.3    |         | 57.7    | 96.3%   | 2,025  | 1.30 | 5.04  | 6.4%  | 29.2%  |
| NRC | HNX   | 43,300  | 519.6     | 139.5    |         | 55.3    | 249.9%  | 6,200  | 3.33 | 6.98  | 23.8% | 40.7%  |
| NLG | HOSE  | 28,550  | 6,040.5   | 2,740.5  | 67.4%   | 635.1   | 901.7%  | 4,378  | 1.27 | 6.52  | 9.9%  | 19.9%  |
| NNC | HOSE  | 51,600  | 1,131.1   | 437.5    | 2.7%    | 151.6   | 32.1%   | 9,014  | 2.96 | 5.72  | 35.7% | 43.3%  |
| NTC | UPCOM | 74,100  | 1,181.4   | 120.8    | 18.8%   | 144.2   | 139.1%  | 11,775 | 2.80 | 6.29  | 6.1%  | 47.6%  |
| PAC | HOSE  | 44,500  | 2,068.0   | 2,296.8  | 10.6%   | 108.6   | 105.5%  | 2,923  | 3.74 | 15.22 | 6.8%  | 21.4%  |
| PC1 | HOSE  | 23,500  | 3,120.1   | 3,578.2  | 55.5%   | 410.9   | 125.3%  | 3,544  | 0.97 | 6.63  | 7.3%  | 15.6%  |
| PGC | HOSE  | 14,200  | 856.8     | 2,440.7  | 14.5%   | 116.6   | 36.3%   | 2,720  | 1.11 | 5.22  | 7.5%  | 21.0%  |
| PGD | HOSE  | 38,300  | 3,446.9   | 6,004.1  | 20.8%   | 197.0   | 23.9%   | 3,132  | 2.69 | 12.23 | 9.2%  | 19.6%  |
| PHC | HOSE  | 14,000  | 327.7     | 1,940.1  | 44.8%   | 38.9    | 161.1%  | 2,081  | 0.79 | 6.73  | 2.7%  | 13.4%  |
| PHR | HOSE  | 29,200  | 3,956.6   | 884.0    | -21.1%  | 390.6   | 61.3%   | 3,509  | 1.44 | 8.32  | 10.6% | 18.4%  |
| PNJ | HOSE  | 96,200  | 15,597.7  | 10,507.7 | 35.5%   | 694.4   | 40.9%   | 5,651  | 5.34 | 17.02 | 18.5% | 28.4%  |
| QPH | UPCOM | 25,900  | 481.3     | 84.7     | 2.2%    | 42.3    | 115.8%  | 2,433  | 1.61 | 10.65 | 10.7% | 15.6%  |
| SAF | HNX   | 60,000  | 475.1     | 752.4    | 5.4%    | 30.6    | 24.1%   | 4,993  | 4.88 | 12.02 | 21.3% | 33.8%  |
| SGN | HOSE  | 133,400 | 3,196.9   | 949.0    | 16.3%   | 210.5   | 30.9%   | 10,587 | 5.06 | 12.60 | 32.3% | 44.9%  |
| SDG | HNX   | 31,900  | 216.9     | 524.2    | 198.9%  | 36.3    | 465.2%  | 5,042  | 0.67 | 6.33  | 6.8%  | 15.5%  |
| SFI | HOSE  | 28,300  | 333.9     | 647.1    | 22.2%   | 44.1    | 59.0%   | 4,016  | 0.88 | 7.05  | 7.7%  | 12.6%  |
| SRA | HNX   | 48,800  | 97.6      | 185.9    | 1942.9% | 59.5    | 7383.7% | 34,684 | 1.11 | 1.41  | 86.8% | 139.6% |
| SSI | HOSE  | 28,500  | 14,226.4  | 2,794.7  | 49.3%   | 1,094.9 | 74.4%   | 2,540  | 1.50 | 11.22 | 6.9%  | 15.9%  |
| SVC | HOSE  | 45,200  | 1,128.9   | 9,631.7  | -5.4%   | 112.5   | 326.8%  | 5,680  | 0.84 | 7.96  | 4.0%  | 10.7%  |
| AST | HOSE  | 65,000  | 2,340.0   | 642.0    | 33.8%   | 119.1   | 36.9%   | 4,346  | 4.64 | 14.96 | 23.9% | 31.9%  |
| TCB | HOSE  | 27,000  | 94,408.0  | 0.0      |         | 6,209.2 | 20.7%   | 2,611  | 1.94 | 10.34 | 3.0%  | 21.7%  |
| TCM | HOSE  | 25,150  | 1,361.4   | 2,826.8  | 15.4%   | 212.6   | 85.5%   | 4,319  | 1.31 | 5.82  | 7.7%  | 20.7%  |
| TCT | HOSE  | 57,100  | 730.2     | 157.3    | 12.6%   | 75.0    | 106.4%  | 6,082  | 2.35 | 9.39  | 25.0% | 26.9%  |
| TCW | UPCOM | 16,800  | 253.1     | 486.7    | -1.4%   | 41.7    | 21.0%   | 3,577  | 0.78 | 4.70  | 8.3%  | 16.6%  |
| TMP | HOSE  | 33,500  | 2,345.0   | 626.8    | 15.8%   | 313.6   | 35.1%   | 5,526  | 1.89 | 6.06  | 26.8% | 33.8%  |
| TMS | HOSE  | 22,900  | 1,088.0   | 1,736.5  | 24.2%   | 165.4   | 86.4%   | 4,184  | 0.63 | 5.47  | 6.8%  | 13.0%  |
| TNG | HNX   | 17,700  | 873.3     | 2,726.6  | 47.6%   | 130.5   | 38.0%   | 3,203  | 1.20 | 5.53  | 6.2%  | 23.4%  |
| TPB | HOSE  | 25,000  | 16,645.7  | 0.0      |         | 1,290.1 | 101.1%  | 2,517  | 1.66 | 9.93  | 1.2%  | 18.2%  |
| TVS | HOSE  | 13,750  | 851.9     | 338.4    | 24.7%   | 104.1   | 431.1%  | 2,563  | 1.05 | 5.36  | 7.0%  | 19.4%  |
| UIC | HOSE  | 30,100  | 240.8     | 1,872.8  | 10.9%   | 41.7    | 36.3%   | 6,485  | 0.90 | 4.64  | 11.8% | 19.9%  |
| VCB | HOSE  | 55,500  | 199,676.2 | 0.0      |         | 9,365.3 | 36.9%   | 3,359  | 3.35 | 16.52 | 1.2%  | 21.0%  |
| VEA | UPCOM | 34,300  | 45,599.1  | 4,681.9  | 12.2%   | 4,843.7 | 27.3%   | 3,797  | 2.46 | 9.03  | 0.0%  | 0.0%   |
| VHC | HOSE  | 100,300 | 9,257.9   | 6,569.3  | 9.6%    | 1,036.0 | 260.5%  | 13,203 | 2.52 | 7.60  | 23.0% | 38.3%  |
| VIB | UPCOM | 26,500  | 14,064.4  | 0.0      |         | 1,376.5 | 134.5%  | 3,736  | 1.50 | 7.09  | 1.5%  | 21.2%  |

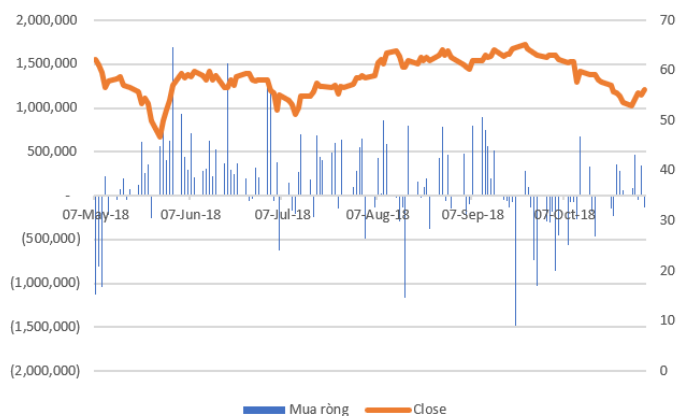
|            |       |         |          |          |        |         |         |        |      |       |       |       |
|------------|-------|---------|----------|----------|--------|---------|---------|--------|------|-------|-------|-------|
| <b>TVT</b> | HOSE  | 22,100  | 464.1    | 1,825.8  | -9.0%  | 80.1    | 42.8%   | 4,819  | 0.64 | 4.59  | 6.1%  | 14.2% |
| <b>VJC</b> | HOSE  | 132,000 | 71,492.7 | 33,934.8 | 50.1%  | 3,681.3 | 74.1%   | 10,037 | 5.74 | 13.15 | 16.3% | 47.5% |
| <b>VIX</b> | HNX   | 9,200   | 744.9    | 363.0    | 50.6%  | 204.6   | 2528.0% | 3,022  | 0.68 | 3.04  | 17.9% | 24.5% |
| <b>VMC</b> | HNX   | 22,300  | 446.0    | 1,101.8  | 37.6%  | 67.2    | 359.4%  | 24,799 | 0.74 | 0.90  | 17.1% | 86.0% |
| <b>VSA</b> | HNX   | 18,000  | 253.7    | 656.6    | 9.2%   | 39.1    | 42.3%   | 4,193  | 0.80 | 4.29  | 8.9%  | 16.8% |
| <b>VPG</b> | HOSE  | 23,500  | 540.5    | 1,320.0  |        | 54.8    | 135.4%  | 2,778  | 1.75 | 8.46  | 3.9%  | 22.6% |
| <b>VRC</b> | HOSE  | 23,000  | 1,150.0  | 33.2     | 932.1% | 175.3   | 1639.3% | 4,512  | 1.26 | 5.10  | 20.0% | 27.3% |
| <b>VCW</b> | UPCOM | 33,400  | 2,505.0  | 333.0    | 10.0%  | 153.2   | 31.4%   | 2,669  | 2.70 | 12.51 | 18.2% | 22.6% |



## Thông tin giao dịch nhóm cổ phiếu ngân hàng:

| Mã CK      | Sàn   | Giá đóng cửa | KLGD       | P/E    | P/B  | KL Mua    | KL Bán    | Room NN (đang nắm giữ) | Vốn hóa (tỷ VND) | Tỷ lệ nắm giữ | EPS   |
|------------|-------|--------------|------------|--------|------|-----------|-----------|------------------------|------------------|---------------|-------|
| <b>VCB</b> | HOSE  | 53.6         | 601,520    | 15.96  | 3.13 | 56,010    | 75,850    | 748,770,751            | 192,840          | 20.8%         | 3,359 |
| <b>CTG</b> | HOSE  | 22           | 3,311,180  | 10.66  | 1.17 | 1,370     | 245,470   | 1,115,649,026          | 81,915           | 30.0%         | 2,064 |
| <b>BID</b> | HOSE  | 31           | 2,054,350  | 12.73  | 1.97 | 61,340    | 304,070   | 93,919,572             | 105,980          | 2.7%          | 2,435 |
| <b>MBB</b> | HOSE  | 20.55        | 2,868,460  | 8.78   | 1.34 | 41,210    | 41,210    | 432,090,274            | 44,397           | 20.0%         | 2,341 |
| <b>TCB</b> | HOSE  | 25.75        | 26,794,800 | 10.27  | 1.82 | 47,690    | 46,990    | 787,033,236            | 90,037           | 22.5%         | 2,507 |
| <b>VPB</b> | HOSE  | 20.2         | 6,485,810  | 7.47   | 1.60 | 3,269,220 | 3,269,220 | 570,052,382            | 49,626           | 23.2%         | 2,703 |
| <b>STB</b> | HOSE  | 12           | 5,031,020  | 16.97  | 0.95 | 200       | 78,930    | 230,586,265            | 21,644           | 12.8%         | 707   |
| <b>EIB</b> | HOSE  | 13.35        | 128,740    | 12.17  | 1.09 | -         | -         | 369,407,917            | 16,413           | 30.0%         | 1,097 |
| <b>HDB</b> | HOSE  | 30           | 4,993,330  | 12.21  | 1.84 | 66,680    | 405,850   | 265,788,834            | 29,430           | 27.1%         | 2,458 |
| <b>TPB</b> | HOSE  | 25.45        | 206,970    | 11.09  | 1.68 | -         | -         | 145,468,410            | 16,945           | 21.8%         | 2,294 |
| <b>SHB</b> | HNX   | 7.4          | 2,735,412  | 5.67   | 0.55 | 4,000     | 184,100   | 114,227,097            | 8,903            | 9.5%          | 1,306 |
| <b>ACB</b> | HNX   | 28.3         | 2,781,329  | 7.30   | 1.63 | -         | 70        | 386,576,321            | 35,295           | 31.0%         | 3,875 |
| <b>NVB</b> | HNX   | 9.8          | 1,805,200  | 104.36 | 0.92 | -         | -         | 98,275                 | 2,917            | 0.0%          | 94    |
| <b>LPB</b> | UPCOM | 8.9          | 1,102,976  | 6.48   | 0.66 | 1,000     | -         | 37,238,676             | 6,675            | 5.0%          | 1,374 |
| <b>BAB</b> | UPCOM | 20.4         | 6,300      | 16.34  | 1.63 | -         | -         | 1,138,530              | 11,220           | 0.2%          | 1,248 |
| <b>VIB</b> | UPCOM | 26.8         | 239,169    | 7.55   | 1.49 | -         | 70        | 115,710,712            | 14,272           | 21.7%         | 3,548 |
| <b>KLB</b> | UPCOM | 10           | 50,400     | 13.95  | 0.88 | -         | -         | 57,001,000             | 3,199            | 17.8%         | 717   |

### Mua bán ròng khối ngoại - VCB



### Mua bán ròng khối ngoại - STB



# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Cổ phiếu Quan tâm

### Top tăng giá HOSE

|     |      |
|-----|------|
| HAH | 4.17 |
| GMC | 4.22 |
| SJF | 4.58 |
| IDI | 4.74 |
| KMR | 4.91 |
| NTL | 5.56 |
| TS4 | 6.20 |
| ACL | 6.23 |
| KSH | 6.58 |
| EVE | 6.75 |
| TVT | 6.97 |
| HTN | 6.98 |
| CMX | 7.00 |

### Top tăng giá HNX

|     |       |
|-----|-------|
| VNR | 4.76  |
| ICG | 4.82  |
| KLF | 5.00  |
| TA9 | 5.88  |
| CVN | 7.03  |
| TNG | 8.84  |
| BII | 9.09  |
| MPT | 10.00 |
| DCS | 11.11 |
| PVV | 16.67 |

**TNG** - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG - Tháng 10 đạt doanh thu thuần 313,8 tỷ đồng, tăng 39% so với cùng kỳ năm trước; lãi ròng của công ty trong tháng 10 đạt 16,7 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 10 tháng, TNG đạt doanh thu thuần 3.040 tỷ đồng và lãi ròng 147 tỷ, đều gấp 1,5 lần cùng kỳ năm trước.

**EVE** - CTCP Everpia - Dự kiến sẽ mua lại 1,5 triệu cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ ngày 21/11 đến 20/12 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Giá mua theo giá thị trường và quy định của pháp luật. Hiện tại EVE đang có hơn 2,43 triệu cổ phiếu quỹ.

**OPC** - CTCP Dược phẩm OPC - Ngày 12/11, HĐQT đã có quyết định chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2018 cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%.

**CII** - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM - Thông báo đã đạt được thỏa thuận nguyên tắc với GuarantCo. Theo đó, GuarantCo sẽ bảo lãnh thanh toán 100% cho đợt phát hành trái phiếu trị giá 1.150 tỷ đồng của CII (lãi suất trái phiếu dự kiến 7%/năm), thời hạn bảo lãnh tối đa là 10 năm.

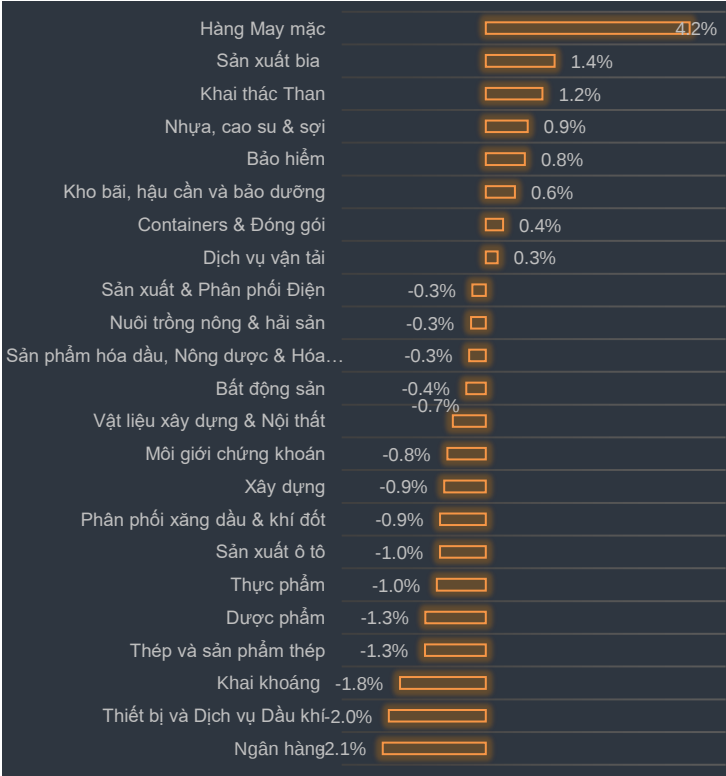
**VID** - CTCP Đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông - Ngày 26/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm tài chính 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 27/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10%, tương đương VID sẽ phát hành thêm hơn 2,55 triệu cổ phiếu mới.

**IDV** - CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc - Ngày 05/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 06/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 15%, tương đương IDV sẽ phát hành thêm hơn 2,17 triệu cổ phiếu mới.

**VC7** - CTCP Xây dựng Số 7 - Công ty sẽ phát hành 10,999,670 cp VC7 loại cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu. Như vậy, VC7 sẽ huy động được gần 110 tỷ đồng, với tất cả số vốn huy động, VC7 sử dụng cho nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng các dự án của Công ty. Ngày đăng ký cuối cùng 22/11/2018, thời gian chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu từ ngày 28/11/2018 đến hết ngày 14/12/2018.

**KSH** - CTCP Đầu tư và phát triển KSH - Ông Hoàng Văn Hải, em trai ông Hoàng Văn Long – Chủ tịch HĐQT đã không mua được bất kỳ cổ phiếu KSH nào trong tổng số 10 triệu cổ phiếu KSH đăng ký mua từ ngày 12/10 đến 09/11 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Như vậy sau giao dịch, ông Hải vẫn chỉ nắm giữ hơn 3,54 triệu cổ phiếu KSH, tỷ lệ 6,17%.

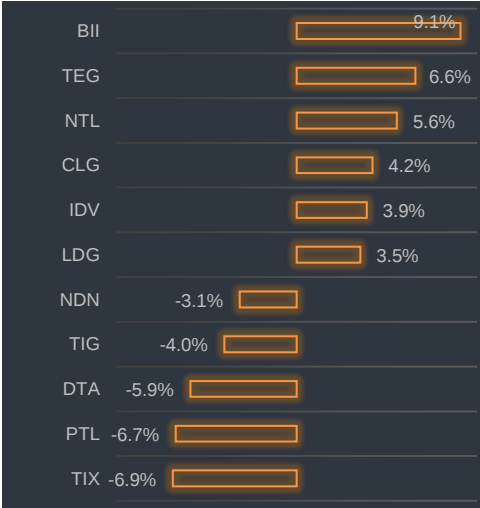
Tăng giảm ngành trong ngày



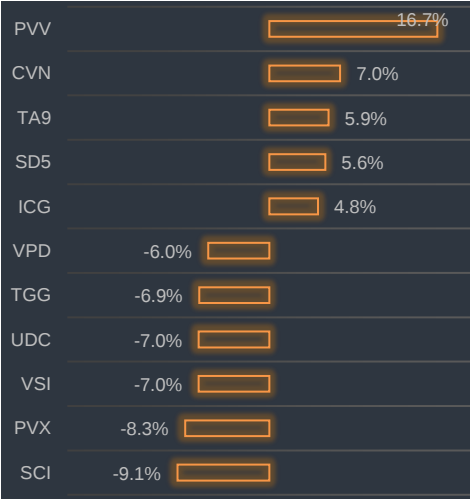
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

|               |               |
|---------------|---------------|
| Bất động sản: | BII, TEG, NTL |
| Xây dựng:     | PVV, CVN, TA9 |
| Dầu khí:      | PVG, PGC, PCG |
| Chứng khoán:  | IVS, FTS, TVB |
| Ngân hàng:    |               |

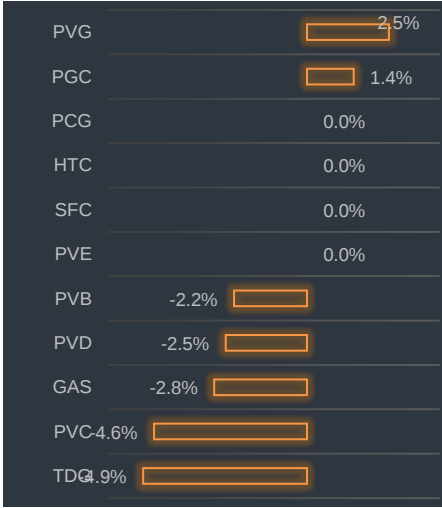
Bất động sản



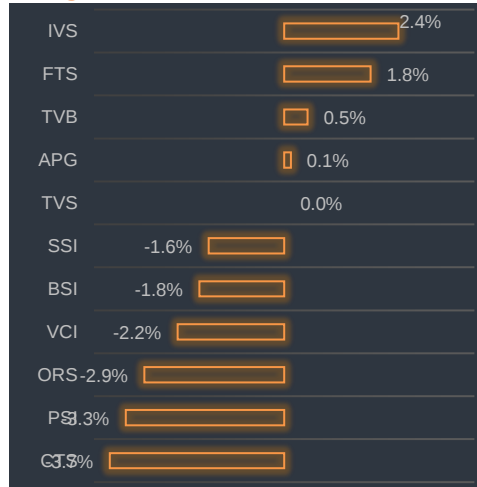
Xây dựng



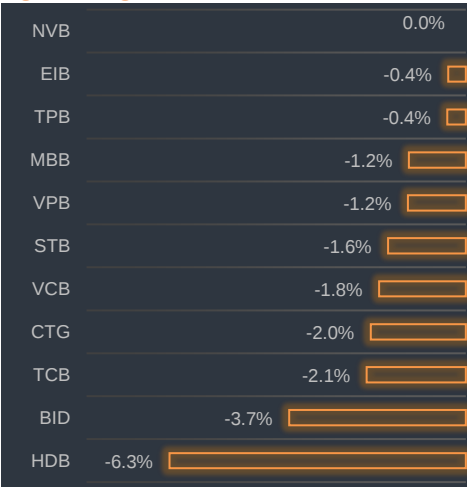
Dầu khí



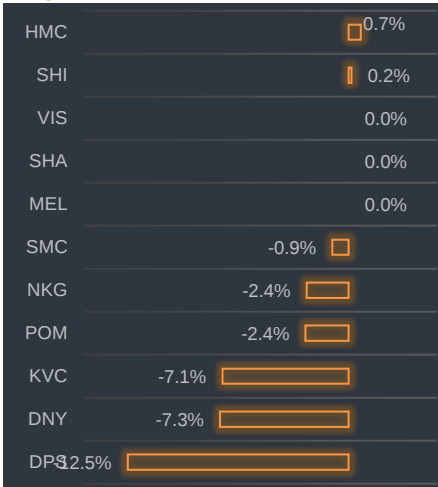
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
Tel: 0983.999.350  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931